

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HSST
Ngày: 23/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đô

2. Ông Lương Văn Kế

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Đào Đức

Độ

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 14/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 99, đường T, phường H, TP Y, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ tạm trú: Tiểu khu 5, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Nghề nghiệp: Kế Toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc V (đã chết) và bà Vũ Thị L, sinh năm 1958; Có chồng: Trần Mai K (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2012; Bị cáo hiện đang mang thai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tiểu khu 5, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

“Bị cáo có mặt tại phiên toà”

Bị hại:

- Anh Trần Xuân V, sinh năm 1981 “*vắng mặt*”

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:

Chị Lương Thị H, sinh năm 1988 (là vợ của anh V) “*vắng mặt*”

Đều trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 06/9/2020, Nguyễn Thị H, sinh năm (SN) 1989, trú tại Tiểu khu 5, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát (BKS) 89H1-007.87 chở theo sau là con trai Trần B, SN 2012 đi trên tỉnh lộ 376 hướng huyện A đi Phố G - Thị trấn V, huyện T. Khi đi đến khu vực cách cầu S thuộc xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên khoảng 40 mét, H điều khiển xe mô tô đi về phía bên tay trái chiều đường mình đi (vào phần đường dành cho xe thô sơ của chiều từ Phố G đi huyện A). Khi H điều khiển xe mô tô đi ngược chiều được khoảng 5 mét, cách cầu S khoảng 31 mét thì va chạm với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 34F4-5919 do anh Trần Xuân V, SN 1981, trú tại Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên điều khiển hướng ngã tư Phố G đi huyện A. Xe của anh V va vào gương cH hậu và tay lái bên phải của H làm xe của anh V và xe của H bị đổ. Hậu quả anh V và H bị thương tích được điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của anh Trần Xuân V số 161/2020/TgT ngày 25/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Hưng Yên kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 75%. Cơ chế hình thành thương tích là do va đập mạnh với dạng vật cứng hoặc nền cứng và vật cứng có gờ cạnh gây nên.

Khám nghiệm hiện trường xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường bằng phẳng, mặt đường được trải nhựa áp phan, mặt đường rộng 7,1 mét, chiều từ ngã tư Phố G đi Ân Thi mặt đường rộng 3,5 mét, phần đường dành cho xe thô sơ rộng 1,9 mét. Chiều từ Ân Thi đi ngã tư Phố G rộng 3,6 mét, phần đường dành cho xe thô sơ rộng 1,5 mét. Điểm mốc là cột điện có ký hiệu ĐLPT2-TBATTV1 bên phải theo chiều từ UBND xã N đi ngã tư Phố G. Mép đường làm chuẩn là mép đường bên phải tính theo chiều đi từ ngã tư Phố G đi UBND xã N.

Hiện trường để lại các dấu vết sau: Số (1) là vết cà xước có kích thước (6,75 x 0,01) mét, có chiều từ ngã tư Phố G đi UBND xã N, đầu vết cách mép đường phía bên phải là 3,30 mét, và cách cột điện kí hiệu ĐLPT2 là 36,70 mét, cuối vết cách mép đường bên phải là 3,35 mét. Số (2) là vết cà xước có kích thước (4,95 x 0,01) mét, có chiều từ ngã tư Phố G đi UBND xã N, đầu vết cách mép đường bên phải 3,65 mét, đầu vết số (2) cách đầu vết số (1) là 1,85 mét, cuối vết cách mép đường bên phải là 3,40 mét. Số (3) là vết cà xước có kích thước (3,35 x 0,01) mét, có chiều từ ngã tư Phố G đi UBND xã N, đầu vết cách mép đường bên phải là 2,55 mét, đầu vết (3) cách đầu vết (2) là 1,20 mét, cuối vết cách mép đường bên phải 2,80 mét. Số (4) là vết cà xước có kích thước (4 x 0,01) mét, có chiều từ ngã tư Phố G đi UBND xã N, đầu vết cách mép đường bên phải là 03 mét, đầu vết (4) cách đầu vết (3) là

0,60 mét, cuối vết cách mép đường bên phải là 2,75 mét. Số (5) là vết cà xước có kích thước (3,70 x 0,01) mét, có chiều từ ngã tư Phố G đi UBND xã N, đầu vết cách mép đường bên phải là 3,60 mét, đầu vết (5) cách đầu vết (4) là 1,30 mét, cuối vết cách mép đường bên phải là 3,35 mét. Số (6) là vùng máu và mảnh vỡ có kích thước (1,60 x 1) mét, tâm vết (6) cách mép đường bên phải là 03 mét, tâm vết (6) cách đầu vết (5) là 3,40 mét. Số (7) là vết cà xước có kích thước (0,55 x 0,01) mét có chiều từ UBND xã N đi ngã tư Phố G, đầu vết cách mép đường bên phải là 2,90 mét, đầu vết số (7) cách đầu vết (1) là 0,70 mét, cuối vết (7) cách mép đường là 3,05 mét. Số (8) là vết cà xước có kích thước (0,55 x 0,01) mét có chiều từ UBND xã N đi ngã tư Phố G, đầu vết cách mép đường bên phải 3,15 mét, đầu vết (8) cách đầu vết (7) là 1,80 mét, cuối vết cách mép đường bên phải là 3,20 mét. Số (9) là vùng thức ăn vãi có kích thước (1,85 x 1) mét, tâm vùng thức ăn cách mép đường bên phải là 2,60 mét, tâm (9) cách đầu vết (8) là 3,40 mét. Tại hiện trường phát hiện, thu giữ 01 xe mô tô BKS: 89H1-007.87 và 01 xe mô tô BKS: 34F4-5919.

** Khám nghiệm phương tiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen BKS: 89H1-007.87 xác định:* Xe mô tô BKS: 89H1-007.87 có chiều dài 1,90 mét, rộng 0,65 mét, cao 1,20 mét. Tại mặt ngoài phía trước đầu nắm tay cầm phía bên phải người điều khiển có để lại vết trượt xước có chiều từ trước về sau có kích thước (0,02 x 0,02) mét. Tại mặt ngoài bàn để chân người ngồi phía sau bên trái người điều khiển có để lại vết trượt xước có kích thước (0,02 x 0,01) mét, có chiều từ trước về sau. Mặt gương phía bên phải bị vỡ bật rời ra khỏi vị trí chốt hãm, có kích thước (0,14 x 0,09) mét. Mặt ngoài phía dưới cánh yếm bên phải đập nút có kích thước (0,2 x 0,02) mét. Cánh yếm và ốp sườn xe phía bên phải có để lại thức ăn vãi có kích thước (0,3 x 0,15) mét. Hệ thống lái, hệ thống phanh có tác dụng.

** Khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS: 34F4-5919 xác định:* Xe mô tô BKS: 34F4-5919, nhãn hiệu: Honda Dream, màu nâu, có chiều dài 1,80 mét, rộng 0,65 mét, cao 1,15 mét. Tại mặt ngoài phía trước đầu nắm tay lái bên trái người điều khiển có để lại vết trượt xước có kích thước (0,02 x 0,02) mét, có chiều từ trước về sau. Tại mặt ngoài phía bên trái giỏ xe có để lại vết trượt xước, mài mòn bong tróc sơn có kích thước (0,2 x 0,001) mét, có chiều từ trước về sau. Tại mặt ngoài phía dưới giỏ xe phía bên trái có để lại vết trượt xước, bẹp, méo có kích thước (0,05 x 0,03) mét, không rõ chiều hướng. Tại mặt ngoài bàn đệm cao su bàn để chân phía bên trái người điều khiển có để lại vết trượt xước mài mòn cao su có kích thước (0,01 x 0,01) mét, có chiều từ trên xuống dưới, để lộ thanh kim loại bên trong, tại đầu thanh kim loại có để lại vết trượt xước có kích thước (0,01 x 0,01) mét, có chiều từ trước về sau, trên vết còn để lại vết bột màu trắng. Cánh yếm phía bên phải người điều khiển bị vỡ bật ra khỏi xe có kích thước (0,4 x 0,7) mét. Ốp nhựa trang trí bảo vệ lỗ máy phía bên phải người điều khiển bị đập vỡ có kích thước (0,10 x 0,02) mét. Bàn để chân phía bên phải người điều khiển bị đẩy cong từ trước về sau lệch khỏi vị trí ban

đầu khoảng 15 độ. Cánh yếm và ốp sườn bên phải để lại vùng thức ăn vãi có kích thước (0,50 x 0,30) mét. Hệ thống lái, phanh có tác dụng.

** Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:*

+ Sau khi anh Trần Xuân V và Nguyễn Thị H ra viện, H đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh V số tiền 50.000.000 đồng. Anh V và vợ là chị Lương Thị H, SN 1988, trú tại Thôn D, xã Đ, huyện T là người đại diện hợp pháp cho anh V đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu bị cáo H bồi thường thêm gì nữa và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bản thân H cũng bị thương tích nhẹ nhưng H không có ý kiến đề nghị gì.

+ Quá trình điều tra xác định: xe mô tô BKS 89H1-007.87 chủ sở hữu là Nguyễn Thị H; xe mô tô BKS 34F4-5919 là tài sản của chị H và anh V mua lại năm 2018 để đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại 02 xe mô tô cho chủ sở hữu.

+ 01 Giấy phép lái xe mang tên Trần Xuân V do đội CSGT Công an huyện T đang quản lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09000104 ngày 11/3/2021 có biên bản bàn giao giữa CSĐT Công an huyện T cho Đội CSGT Công an huyện T theo biên bản bàn giao ngày 10/03/2021.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-TL ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Thị H khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố, bản thân bị cáo rất ân hận về hậu quả do hành vi của mình gây ra và đã khắc phục hậu quả đối với gia đình người bị hại. Người bị hại anh Trần Xuân V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị H có ý kiến xin xét xử vắng mặt, anh V và chị H giữ nguyên quan điểm như chị H đã trình bày tại cơ quan điều tra và không đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS; Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 bổ sung một số hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 và Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

Xử phạt bị cáo H từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ; Thời gian chấp hành án tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị

kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự giải quyết với nhau xong và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

Bị cáo H nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hậu quả nghiêm trọng do hành vi của mình gây ra và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo H tại Cơ quan điều tra và phiên toà hôm nay về việc gây tai nạn cho anh Trần Xuân V ngày 06/9/2020, tại khu vực tỉnh lộ 376 thuộc địa phận xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản vụ tai nạn giao thông (BL 43); Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông (BL 48); Sơ đồ hiện trường (BL 51); Biên bản khám nghiệm phương tiện (BL 54); Biên bản tạm giữ phương tiện, tang vật (BL 46, 47); Kết luận giám định pháp y và các bản ảnh giám định (BL 87-92) và các lời khai của người đại diện hợp pháp cho bị hại. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 06/9/2020, Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô BKS 89H1-007.87 chở phía sau là con trai Trần B lưu thông trên tỉnh lộ 376 thuộc địa phận xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên, chiều đi từ huyện A đi ngã tư Phố G, Thị trấn V, huyện T. Khi đi đến khu vực cách cầu S khoảng 40 mét, H điều khiển xe đi về bên trái theo chiều đi của mình (đi không đúng chiều đường) thì va chạm với xe mô tô BKS 34F4-5919 do anh Trần Xuân V điều khiển hướng từ ngã tư Phố G đi

huyện A. Hậu quả anh V bị ngã, tổn thương do thương tích gây lên là 75%. Hành vi tham gia giao thông không đi bên phải theo chiều đi của mình của Nguyễn Thị H đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Vi phạm điểm a Khoản 7 Điều 5 Nghị định Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 thì bị cáo Nguyễn Thị H vi phạm quy tắc giao thông đường bộ gây thương tích 75% cho anh Trần Xuân V đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do bị cáo không tuân thủ các quy định của luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông, đi không đúng chiều đường, phần đường quy định, không đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông khác trên đường nên đã gây ra tai nạn khiến anh V bị thương tích nặng, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư khi tham gia giao thông. Do vậy, HĐXX cần xem xét quyết định mức hình phạt, tương xứng, phù hợp với mức độ lỗi mà bị cáo gây ra, cũng có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo đã có ý thức bồi thường để khắc phục hậu quả, tổn thất cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); Bị cáo là phụ nữ đang mang thai nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b,n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bên cạnh đó, gia đình bị hại đã có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có bố để được Nhà nước tặng Huân, huy chương kháng chiến. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, sau khi phạm tội đã có ý thức khắc phục hậu quả, bồi thường, bù đắp tổn thất tinh thần cho người bị hại. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình thuộc diện gia đình có công với cách mạng, gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật đối với bị cáo cũng đủ để giúp bị cáo trở thành người có ích cho xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có một mình, đang nuôi con nhỏ và hiện đang mang thai, thu nhập thấp nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: HĐXX thấy rằng không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với anh Trần Xuân V tham gia giao thông, điều khiển phương tiện có sử dụng bia rượu đã bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền phạt là 7.000.000 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09000104 ngày 11/3/2021 (BL 196) là đúng quy định pháp luật.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Giữa bị cáo và đại diện gia đình bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường cho nhau xong. Người đại diện hợp pháp của gia đình bị hại và người bị hại không yêu cầu, đề nghị gì thêm. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo và bị hại, gia đình bị hại đã tự thỏa thuận giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[8] *Về vật chứng của vụ án*:

- Quá trình điều tra xác định: xe mô tô BKS 89H1-007.87 chủ sở hữu là Nguyễn Thị H; xe mô tô BKS 34F4-5919 là tài sản của chị H và anh V mua lại năm 2018 để đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại 02 xe mô tô cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

+ 01 Giấy phép lái xe mang tên Trần Xuân V do đội CSGT Công an huyện T đang quản lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09000104 ngày 11/3/2021 có biên bản bàn giao giữa CSĐT Công an huyện T cho Đội CSGT Công an huyện T theo biên bản bàn giao ngày 10/3/2021 là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo trong vụ án là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 bổ sung một số hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 và Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao

2. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

3. *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:* Bị cáo và gia đình bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường cho nhau xong nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại. Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Đại diện hợp pháp cho bị hại
- Lưu toà án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh Ngọc